

Bản án số: 493/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Phước Trinh

2- Bà Mai Thị Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:**
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1646/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Dương Thị Diễm T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số B, đường D, tổ A, ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Phùng Văn H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A, đường D, tổ A, ấp A, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 06/9/2022, nguyên đơn bà Dương Thị Diễm T trình bày:

Bà với ông Phùng Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 02/01/1996. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai người thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Tuy sống chung một nhà nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm sống và không còn quan

tâm đến nhau nữa. Bà xác định tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung có hai trẻ tên là Phùng Xuân T1, sinh ngày 10/4/2002 đã thành niên và Phùng Minh T2, sinh ngày 06/8/2007, bà yêu cầu được nuôi trẻ T2, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 26/12/2022, bị đơn ông Phùng Văn H trình bày: Ông với bà T tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có một vài điều mâu thuẫn nhỏ nên bà T muốn ly hôn, riêng bản thân ông không muốn ly hôn. Ông xin Tòa cho thêm thời gian để ông cải thiện vì ông còn thương vợ con. Vì không muốn ly hôn nên ông không có ý kiến về con chung, về tài sản chung cần thỏa thuận, không có nợ chung.

Do ông H đã được tổng đạt thông báo phiên họp đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện. Ông H vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn ông Phùng Văn H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

* Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Diễm T với ông Phùng Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 02/01/1996 nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của bà Dương Thị Diễm T xin ly hôn ông Phùng Văn H:

Bà T cương quyết xin ly hôn vì ông H không quan tâm vợ con, ông H còn có hành vi bạo lực gia đình đối với bà. Ông H không muốn ly hôn, ông xin Tòa cho thêm thời gian để ông cải thiện vì ông còn thương vợ con. Tuy nhiên, ông H đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần vào ngày 27/02/2023 và ngày 20/3/2023 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến thể hiện ông H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng

yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn ông H.

[5] Về con chung có hai trẻ tên là **Phùng Xuân T1**, sinh ngày 10/4/2002 đã thành niên và **Phùng Minh T2**, sinh ngày 06/8/2007.

Xét bà T yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ **T2** là phù hợp với nguyện vọng của **T2**, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

Xét bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con là do bà T tự nguyện, bà T có đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/01/2023, nguyên đơn bà T yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, đến ngày 06/02/2023 bà T rút đơn yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung khi ly hôn. Tại phiên tòa, bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét. Về nghĩa vụ dân sự chung bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử buộc bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Dương Thị Diễm T**.

1. Về hôn nhân: Bà **Dương Thị Diễm T** được ly hôn ông **Phùng Văn H**.

2. Về con chung có 02 trẻ tên **Phùng Xuân T1**, sinh ngày 10/4/2002 đã thành niên và **Phùng Minh T2**, sinh ngày 06/8/2007.

- Bà **Dương Thị Diễm T** được trực tiếp nuôi trẻ **Phùng Minh T2**.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Dương Thị Diễm T** không yêu cầu ông **Phùng Văn H** cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà **Dương Thị Diễm T** phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2022/0020255 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- | | |
|------------------------------|------|
| - TAND Tp. Hồ Chí Minh | (01) |
| - VKSND huyện Củ Chi | (02) |
| - Chi cục THADS huyện Củ Chi | (01) |
| - UBND xã Phạm Văn Cội | (01) |
| - Các đương sự | (02) |
| - Lưu: Vp, hồ sơ vụ án | (02) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Thắm